VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2018/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập), bao gồm: sát hạch lái xe, đăng kiểm xe cơ giới và các dịch vụ sự nghiệp công khác thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trong lực lượng vũ trang nhân dân).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương II
THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện thành lập

1. Nguyên tắc thành lập:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng trong quá trình hoạt động của đơn vị;

b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể, yêu cầu quản lý, trường hợp cần thiết, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định việc thành lập Hội đồng quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Điều kiện thành lập:

Các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ điều kiện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp và được cơ quan có thẩm quyền công nhận, quyết định giao tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thủ tục thành lập

Đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này lập hồ sơ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Thông tư này để được xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý. Thủ tục thành lập thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2016/TT-BNV ngày 25/5/2016

của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Đề án thành lập

Đề án thành lập Hội đồng quản lý do đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập. Nội dung Đề án thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 03/2016/TT-BNV ngày 25/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thành lập

Bộ trưởng quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.

Chương III
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 7. Vị trí và chức năng

1. Hội đồng quản lý là đại diện của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Hội đồng quản lý quyết định về chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động, tài chính và công tác nhân sự; kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quyết định chủ trương về xây dựng tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động; tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, huy động các nguồn lực cần thiết để phát triển hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Quyết định về định hướng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển khoa học công nghệ của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Thông qua việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị cấu thành của đơn vị sự nghiệp công lập; đề án xác định vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

10. Thông qua kế hoạch tài chính, mức phí của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; các chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch và các thành viên.

2. Cơ cấu Hội đồng quản lý gồm có:

a) Người đứng đầu, một số cấp phó của người đứng đầu, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch công đoàn, đại diện một số phòng, ban của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập, gồm đại diện của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có); làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 10. Cơ chế hoạt động

1. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể. Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.

2. Quyết định hoặc nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên theo danh sách của Hội đồng quản lý đồng ý.

3. Hội đồng quản lý được sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo tương đương người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; phụ cấp cho các thành viên khác trong Hội đồng quản lý được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, phụ cấp chức vụ của Chủ tịch và phụ cấp cho các thành viên (nếu có) được tính trong chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

5. Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 11. Quan hệ công tác

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên:

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đối với cơ quan quản lý cấp trên;

c) Cơ quan quản lý cấp trên thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

3. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 12. Quy chế hoạt động

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Các quy định chung;

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên;

c) Cơ chế hoạt động;

d) Quan hệ công tác;

đ) Các quy định khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Hội đồng quản lý xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

Chương IV
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CHỦ TỊCH VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hàng quý và hàng năm của Hội đồng quản lý.

2. Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý.

3. Triệu tập và chủ trì cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý.

4. Lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý.

5. Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 8 Thông tư này.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của đơn vị.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý

1. Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

2. Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng quản lý nội dung và các vấn đề thảo luận ở Hội đồng quản lý.

3. Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

4. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của đơn vị.

Điều 15. Tiêu chuẩn của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Là công chức hoặc viên chức và đủ tuổi công tác ít nhất trọn một nhiệm kỳ;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc;

c) Không trong thời gian thi hành kỷ luật;

d) Có trình độ từ đại học trở lên;

đ) Có kinh nghiệm trong công tác chuyên môn hoặc quản lý;

e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và tiêu chuẩn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 16. Bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý là 05 (năm) năm.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân có đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản lý;

b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

d) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực của pháp luật;

đ) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;

e) Mắc các vi phạm khác đã quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

g) Các trường hợp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.

2. Hội đồng quản lý có trách nhiệm xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định. Hồ sơ gồm có: Tờ trình nêu rõ lý do miễn nhiệm và các văn bản, minh chứng liên quan.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của đơn vị, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm ra quyết định miễn nhiệm; trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải:

a) Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý đáp ứng đủ điều kiện xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này;

b) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý; phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật.

2. Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập:

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này có trách nhiệm xây dựng Đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý theo tại Thông tư này và quy định pháp luật.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để nghiên cứu, giải quyết theo quy định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ